

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày 09-6-2025

“V/v Ly hôn có yếu tố nước ngoài”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyền Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn có yếu tố nước ngoài”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐ-ST ngày 09/5/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Lý Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyền Quang – vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền giao, nhận tài liệu cho nguyên đơn: Chị Hoàng Phương L; địa chỉ: Số C ngõ A N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Chị Lý Thị C, sinh năm 2001; Nơi ĐKTT: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyền Quang; Hiện đang sinh sống, làm việc tại Campuchia – vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Lý Văn T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lý Thị C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/01/2020 tại UBND xã P, huyện S. Thời gian đầu vợ chồng vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2022 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống khiến tình cảm vợ chồng không còn như trước. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 2 năm 2023. Khoảng tháng 12 năm 2024 chị C đi làm bên Campuchia nhưng anh T không biết địa chỉ cụ thể. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Thị C.

Về con chung; tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lý Văn T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn chị Lý Thị C đang ở Campuchia nhưng không rõ địa chỉ: Tòa án tiến hành niêm yết tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi người thân thích của chị C cư trú và tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho chị C thông qua ông Lý Văn P, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (là bố đẻ của chị Lý Thị C).

Đồng thời, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ:

Tại Công văn số 232/QLXNC-ĐI ngày 18/3/2025 của Phòng Q Công an tỉnh T có thông tin: Chị Lý Thị C, sinh ngày 24/11/2001, căn cước công dân số 008301002483; Nơi ĐKKTT: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, đã dùng hộ chiếu số P01111767 xuất cảnh lần gần nhất ngày 10/10/2024 (12:53:50) tại Cửa khẩu M, hiện chưa nhập cảnh lại Việt Nam.

Tại Công văn số 07/CV-CADT ngày 20/02/2025 của Công an xã D, huyện V xác định: Công dân Lý Thị C, sinh ngày 24/11/2001 đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên từ ngày 30/01/2003 đến ngày 30/01/2020 với lý do cắt khẩu chuyển khẩu về nhà chồng tại thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Hiện tại chị C không đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Như vậy có căn cứ xác định công dân Lý Thị C, sinh ngày 24/11/2001; Nơi cư trú: xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (trong giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 14/01/2020 tại UBND xã P) với công dân Lý Thị C, sinh ngày 24/11/2001; Nơi ĐKTT: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là cùng một người.

Tại biên bản xác minh ngày 11/3/2025 và ngày 28/3/2025 với ông Lý Văn P, sinh năm 1978 trình bày: Con gái ruột ông là Lý Thị C đăng ký kết hôn với anh Lý Văn T năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị C về sinh sống tại nhà chồng ở thôn T, xã P. Thời gian đầu vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc, do ở xa nên ông P không biết nguyên nhân mâu thuẫn là gì. Khoảng tháng 10 năm 2024 chị C qua Campuchia sinh sống, làm việc nhưng ông P không biết địa chỉ cụ thể. Ông P cho biết chị C vẫn thường xuyên gọi điện về cho gia đình qua ứng dụng Messenger và ông P cam đoan sẽ thông báo nội dung văn bản của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang cho chị C ngay khi nhận được. Trong quá trình chung sống anh T, chị C không có con chung, không có tài sản chung, không vay nợ chung, không cho vay chung. Nay anh T làm đơn khởi kiện đề nghị ly hôn với chị C, ông P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 11/3/2025 với phó tổ trưởng tổ an ninh thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên ông Mã Văn C1 trình bày: Chị Lý Thị C, sinh năm 2001 là con của ông Lý Văn P, bà Dương Thị H. Chị C sinh ra và lớn lên tại xã D, huyện V. Năm 2020 chị C đăng ký kết hôn với anh Lý Văn T, sinh năm 1995

tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị C về sinh sống tại nhà chồng ở Tuyên Quang. Do ở xã nên anh C1 không biết nguyên nhân anh T, chị C mâu thuẫn. Anh T1, chị C không có con chung; có tài sản chung, vay nợ chung, cho vay chung hay không anh không biết. Nay anh T1 làm đơn xin ly hôn với chị C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 23/4/2025 với phó trưởng thôn thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang ông Đàm Văn P1 trình bày: Anh Lý Văn T sinh ra và lớn lên tại thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Năm 2020 anh T đăng ký kết hôn với chị Lý Thị C, sinh năm 2001 tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại nhà anh T. Trong quá trình chung sống anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì khiến thôn phải giải quyết. Anh T1, chị C không có con chung; anh chị có tài sản chung, vay nợ chung, cho vay chung hay không ông không biết. Nay anh T1 làm đơn xin ly hôn với chị C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do anh Lý Văn T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và chị Lý Thị C đang ở nước ngoài nên căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điều 207; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 469; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lý Văn T, xử cho anh Lý Văn T được ly hôn với chị Lý Thị C.

Về con chung; tài sản chung, vay nợ chung, cho vay chung: Anh T1 không đề nghị giải quyết nên không xem xét nội dung này.

Về án phí: Anh Lý Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Anh Lý Văn T và chị Lý Thị C được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Lý Văn T và chị Lý Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14/01/2020 tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Tranh chấp giữa anh T, chị C là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T1 có đơn xin ly hôn chị C; cả hai anh chị đều có quốc tịch Việt Nam nhưng hiện tại chị C đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự:

Chị C hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể nhưng gia đình xác nhận chị vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Tòa án đã tiến hành niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị C thông qua bố đẻ chị là ông Lý Văn P. Anh Lý Văn T đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị C là đúng quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của Lý Văn T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh T phù hợp với ý kiến trình bày của bố đẻ chị C và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị C có mâu thuẫn, không quan tâm tới nhau, đã sống ly thân nhiều năm, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lý Văn T, xử cho anh T được ly hôn với chị Lý Thị C.

[3.2] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét nội dung này.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét nội dung này.

[4] Về án phí: Anh Lý Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Lý Thị C không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 469; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Lý Văn T, cho anh Lý Văn T được ly hôn với chị Lý Thị C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2020 cấp ngày 14 tháng 01 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về con chung: Không có và không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét nội dung này.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có và không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét nội dung này.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lý Văn T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng Phương L đã nộp thay anh T là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003167615 ngày 06/3/2025 và (theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8 ngày 06/3/2025; mã thông báo: OYCMJZ697L) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh T1 đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Lý Thị C không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai và anh Lý Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- UBND xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thanh Nguyễn Thị Tâm

Nguyễn Xuân Thủy

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- UBND xã Ngọc Hội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Hồng Thắng